

Thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn
Ngài là bậc ỨNG CÚNG
Đấng CHÁNH BIẾN TRI

TRỪNG TRI TỖ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU QUYỂN THỨ TƯ

6. GIỚI LÀM PHÒNG RIÊNG QUÁ LƯỢNG

Đại Thừa đồng chế.

Kinh *Phạm võng* gọi là ác cầu đa cầu. Kinh *Bồ-tát giới bốn* gọi là đa dục bất tri túc. Vì chúng thì không phạm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, tự khát cầu để cất thát, không có thí chủ, tự làm cho mình, cần phải làm đúng lượng. Đúng lượng ở đây là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật. Phải mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không bị nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, tự khát cầu để cất thát, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO¹:

Nhân đức Phật cho phép Tỳ-kheo làm phòng xá riêng, Tỳ-kheo nơi nước Khoáng Dã bèn cất phòng xá riêng rộng lớn, tốn nhiều công của, đòi hỏi tín đồ, đến nỗi cư sĩ thấy Tỳ-kheo phải tránh. Khi ấy, ngài Ca-diếp đi khát thực, cư sĩ trong thành Khoáng Dã tránh xa ngài. Ngài hỏi, biết lý do, bạch Phật để kiệt giới.

GIẢI THÍCH:

Không có chủ: Nghĩa là không có thí chủ, hoặc một người, hai người hay nhiều người đứng ra xây cất. Nạn xứ: tức là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến kiến hay mối. Tỳ-kheo, nếu không bị các thú, trùng làm phiền bận, nên làm đất cho bằng. Nếu có đá, gốc cây gai, nên bảo người dọn dẹp cho sạch. Nếu chỗ có rãnh nước, hầm, ao, nghiêng lệch, nên khiến người đổ cho bằng, cho đầy. Nếu sợ nước ngấm úng thì phải đắp đê để đê phòng. Nếu đất đai bị người tranh chấp thì phải giải quyết cho thỏa đáng, đừng để có tiếng không hay. Bị bít lối: tức là chỗ mà chiếc xe chở cỏ không quay đầu để đi quanh được.

Tỳ-kheo kia xem xét chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cõi guốc dép,

¹ Tứ phần luật 3, tr. 584a16, Đại 22n1428.

bày vai áo bên hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, chấp tay bạch như vậy:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo... tự khát cầu cất thát, không có thí chủ, tự làm cho mình. Nay đến trong chúng Tăng, xin chứng biết cho chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối”. (Bạch như vậy ba lần).

Lúc bấy giờ, chúng Tăng nên quán sát Tỳ-kheo này, nếu có thể tin được, liền cho phép làm. Nếu không thể tin được, chúng Tăng nên đến chỗ ấy xem xét. Hoặc sai người của Tăng, có thể tin được, đến đó xem xét. Nếu có sự nguy hiểm, có bít lối, hay không có nguy hiểm mà có bít lối; hoặc có nguy hiểm mà không bị bít lối, đều không nên cho phép làm. Nếu không có sự nguy hiểm, không bị bít lối mới cho phép làm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu không được Tăng cho phép, hay làm quá lượng, mỗi việc phạm một tội Tăng tàn. Làm mà không thành phạm Thâu-lan-giá, hay sai người khác làm cũng vậy. Nếu vì người khác làm mà thành, thì phạm Thâu-lan-giá, không thành phạm Đột-kiết-la.

Nếu có nguy hiểm, có bít lối, mỗi việc phạm một tội Đột-kiết-la. Sai người khác làm hay vì

người khác làm thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la.

(Tỳ-kheo-ni v.v... không được phép ở nơi A-lan-nhã). Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Luật Tăng kỳ nói:

Khi làm xong mắc tội Tăng tàn. Khi sử dụng mắc tội Việt tỳ-ni.

Luật Thập tụng nói:

Thành nhà rồi, mới nhận, không phạm.

7. GIỚI LÀM PHÒNG LỚN MÀ KHÔNG ĐƯỢC TĂNG CHỈ CHỖ

Đại thừa đồng chế.

Kinh *Phạm võng* nói: Khi hành pháp Đâu-đà, cho đến an cư mùa hạ, những chỗ có nguy hiểm không được vào.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào muốn cất Tịnh xá lớn có thí chủ làm cho mình, cần phải mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy chỉ định nơi chốn - là nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, cất Tịnh xá lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO²:

Vua Ưu-diên cùng với Tôn giả Xiển-đề là bạn thân. Tôn giả làm phòng lớn theo ý mình. Lúc ấy trong thành Câu-diệm-di có cây Ni-câu-luật, thần, người qua lại thường ngồi nghỉ mát dưới bóng cây. Tôn giả Xiển-đề chặt cây ấy, cư sĩ cơ hiem nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trừ trường hợp làm quá lượng, bao nhiêu trường hợp khác, phạm nặng hay nhẹ đồng như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Thành nhà rồi, mới nhận, không phạm.

8. GIỚI HỦY BÁNG KHÔNG CĂN CỨ

Đây là tánh tội, Đại thừa đồng chế.

Nếu đến người ngoài nói thì phạm trọng tội. Nếu đến người đồng giới nói thì phạm tội nhẹ.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn áp ủ, đối với Tỳ-kheo không phải là Ba-la-di mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là không

² Tứ phần luật 3, tr. 586b, Đại 22n1428.

căn cứ, Tỳ-kheo này nói rằng: “Tôi vì thù hận mà nói như vậy”. Tỳ-kheo nào nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO³:

Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, Tôn giả Đạp-bà-ma-la-tử, được Tăng sai phân ngọa cụ cho chúng Tăng và theo thứ tự mời Tăng đi thọ trai. Có Tỳ-kheo Từ Địa đến, vì theo thứ vị nên nhận được phòng và ngọa cụ xấu, bèn giận dữ. Sáng lại, mời Tăng đi thọ thỉnh, Đàn-việt nghe biết Tỳ-kheo Từ Địa đến, bèn ở ngoài cửa, trải bày ngọa cụ xấu, dọn đồ ăn dở; Từ Địa lại giận gấp bội phần, bèn nhờ người em gái là Tỳ-kheo-ni Từ, vu khống là Tôn giả xâm phạm đến phạm hạnh của cô. Đức Thế Tôn thăm vấn biết được sự thật, bảo các Tỳ-kheo rằng: Có hai hạng người chắc chắn vào địa ngục. Hai hạng người ấy là: Không phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh và người thật có phạm hạnh mà dùng phi phạm hạnh vô căn cứ để hủy báng. Quả trách xong, Phật kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Căn có 3: Căn cứ do thấy, căn cứ do nghe và căn cứ do nghi.

Nghi có 2 cách: Từ nơi thấy mà sanh ra nghi, từ sự nghe mà sanh ra nghi.

³ Tứ phần luật 3, tr. 587a25, Đại 22n1428.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không có 3 căn này, một là dùng 4 khí để hủy báng, hai là dùng những pháp phi Tỳ-kheo khác mà hủy báng, ba là nói phạm biên tội cho đến ngũ nghịch hai căn v.v... không luận người ấy thanh tịnh hay không, nói rõ ràng phạm Tăng tàn, không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá. Hủy báng ni đồng như trước. Hủy báng người khác, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm là có thấy, nghe, nghi, nói trong mộng, nhằm nói v.v...

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Nếu Ô-ba-sách-ca (tức Ưu-bà-tắc) hủy báng Tỳ-kheo, nên trao cho họ Yết-ma phú bát. (Trong pháp trị tội có nói rõ).

9. GIỚI LẤY MỘT PHẦN ĐỂ HỦY BÁNG

Đại thừa... nhẹ... nặng... đều đồng như giới trước.

GIỚI BỎN:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, đối với Tỳ-kheo không phải là Ba-la-di mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không

căn

cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy. Về sau, dù bị cắt vấn hay không bị cắt vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, Tỳ-kheo này tự nói rằng: “Tôi vì thù hận nên nói như vậy”. Tỳ-kheo nào nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO⁴:

Tỳ-kheo Từ Địa, từ trên núi Kỳ-xà-quật nhìn xuống thấy con dê đực cùng với con dê cái hành dâm, bèn đem ví con dê đực là Tôn giả Đạp-bà-ma-la, con dê cái là Tỳ-kheo-ni Từ. Từ Địa nói với Tỳ-kheo rằng: Chính mắt tôi thấy. Các Tỳ-kheo xét biết sự thật bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Luật Thập tụng nói:

Phần sự khác, tức là thuộc về 4 trọng tội. Trong vấn đề này nếu phạm một việc thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử, mất pháp của Tỳ-kheo cho nên gọi là phần sự khác. Tiểu tiết tức là thuộc về các oai nghi.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Hoặc đồng tên, đồng họ, đồng tướng, hoặc khi còn ở nhà phạm, mà lấy một phần nào trong vấn

⁴ Tứ phần luật 4, tr. 589b11, Đại 22n1428.

đề tương tự để hủy báng. Nói rõ ràng hay không rõ ràng v.v... đều đồng như giới trước.

10. GIỚI KHÔNG BỎ PHÁP PHÁ TĂNG

Đại thừa đồng chế.

Tăng luân chưa bị phá tức là thuộc về ác tâm, sân tâm, giáo giới hẹp hòi. Tăng luân bị phá tức thành nghịch tội, không cho sám hối.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, muốn phá hoại hòa hiệp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can gián Tỳ-kheo này rằng: “Đại đức chớ phá hoại hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt pháp phá hoại hòa hiệp Tăng, không nên kiên trì không bỏ. Đại đức, nên cùng Tăng hòa hiệp. Vì cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hiệp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc”. Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy, vẫn kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO⁵:

Đề-bà-đạt-đa muốn hại Phật, lại dạy A-xà-thế giết cha, tiếng xấu đồn khắp, lợi dưỡng bị đoạn tuyệt. Đề-bà liền cùng với 5 người đồng ý với mình

⁵ Tứ phần luật 4, tr. 591c16, Đại 22n1428.

đi khát thực từng nhà, Phật cấm không được ăn biệt chúng. Đề-bà-đạt-đa liền sanh ý nghĩ: Cù-đàm là người dứt phần ăn của kẻ khác, ta cần phải phá Tăng luân của ông ta, liền dùng 5 pháp dạy các Tỳ-kheo: 1. Suốt đời xin ăn, 2. Mặc đồ phẩn tảo, 3. Ngồi giữa trời, 4. Không ăn dầu, muối, 5. Không ăn thịt cá; khiến cho những người có lòng ưa thích tin, phương tiện phá Tăng luân kia. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho phép Tăng làm pháp Yết-ma quở trách, rồi kiết giới này.

Phần thứ ba⁶ nói:

Đề-bà-đạt-đa tuyên bố hành trù rằng: Các Trưởng lão nào đồng ý 5 pháp này, công nhận là pháp, là Tỳ-ni, là lời dạy của Phật thì nắm trù (thẻ). Khi ấy, 500 vị tân Tỳ-kheo vô trí nắm thẻ và theo Đề-bà-đạt-đa đi. Sau đó, ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thuyết pháp hiện thân thông, mới đem về lại. Đức Phật cho phép tác pháp sám Thâu-lan-giá.

GIẢI THÍCH:

Hòa hiệp: tức là đồng một Yết-ma, đồng một thuyết giới. *Tăng*: là từ 4 Tỳ-kheo cho đến vô số. *Phá*: Có 18 việc: Pháp - phi pháp; luật - phi luật;

⁶ Tứ phần luật 46, phần thứ ba Kiên-độ pháp Tăng, tr. 909b08, Đại 22n1428.

phạm - không phạm; hoặc khinh - hoặc trọng; hữu tòn - vô tòn; thô ác - phi thô ác; thường sở hành - phi thường sở hành⁷; chế - phi chế; thuyết - phi thuyết.

(Trong việc 13 và 14 theo luật Ngũ phân thì: Dụng Yết-ma xuất tội, bất dụng Yết-ma xuất tội. Theo luật Thập tụng nói: Thường sở hành sự, tức là hoặc đơn bạch Yết-ma, bạch nhị Yết-ma, bạch tứ Yết-ma, Bố-tát, Tự-tứ lập ra pháp 14 người Yết-ma).

Chấp chặt pháp phá Tăng tức là chấp chặt 18 điều này.

Phần thứ ba của luật Tứ phân nói:

Có 2 việc phá Tăng: Vọng ngữ, tương tợ ngữ. Lại có hai việc phá Tăng khác: tác Yết-ma và rút thăm.

Nếu chỉ có một Tỳ-kheo, cho đến hai, ba người tuy tìm phương tiện, nhưng không thể phá Tăng, Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Phải là bên này có chúng bốn người hay là hơn, bên kia có chúng bốn người hay là hơn. Thi hành rút thăm phá Tăng, tác Yết-ma, như vậy là phá hòa hiệp Tăng. Tội này đọa vào địa ngục trong một kiếp chưa hết tội. Người đem

⁷ Thường sở hành, phi thường sở hành: Thường sở hành là chỉ cho tám chi Thánh đạo. Phi thường sở hành là 5 điểm của Đề-bà-đạt-đa.

lại sự hòa hiệp, được phước nơi cõi trời Phạm thiên thọ vui một kiếp.

Luật Ngũ phân nói:

Ta không thấy có pháp nào khác phá hoại đạo ý của con người, ngoài tiếng đồn và lợi dưỡng. Điều-đạt sở dĩ phá Tăng là vì lợi dưỡng vậy. Điều-đạt thành tựu 8 phi pháp cho nên phá Tăng: lợi - phi lợi - khen - không khen - kính - không kính - ưa việc ác - theo bạn bè ác.

Có 4 việc gọi là phá Tăng:

- Nói 5 pháp.
- Tự mình hành trù
- Nắm (rút) trù.
- Ở trong giới làm Tăng sự riêng.

Lại nữa, nếu vua, đại thần, hay lục chúng, khiến cho Tăng không hòa hiệp thì không phải là phá Tăng. Nếu một Tỳ-kheo cho đến 7 Tỳ-kheo không hòa hợp, cũng không phải là Tăng bị phá. Nếu không hỏi bậc Thượng tọa mà làm Tăng sự, tức là không hòa, cũng không phải là phá Tăng. Nếu không cùng ăn chung, trong khi ăn ngồi chỗ khác đấu tranh chửi mắng, cũng không gọi là phá Tăng. Cốt yếu là ở trong cùng một giới, tám vị Tỳ-kheo trở lên, chia làm hai bộ, làm Tăng sự riêng, mới gọi là phá Tăng. Người làm chủ trong vấn đề ấy đọa vào địa ngục trong một kiếp không thể cứu được.

Luật Thập tụng nói:

Phá Tăng có 2 loại:

Phá Yết-ma - Phá pháp luân.

– Phá Yết-ma là trong một giới làm Yết-ma Bất-tát riêng.

– Phá pháp luân: Luân chỉ cho bát Thánh đạo phần, khiến cho người bỏ bát Thánh đạo vào trong tà đạo.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Phá Tăng luân, phạm nghịch tội Thâu-lan-giá, không thể sám hối. Phá Yết-ma Tăng, phạm phi nghịch tội có thể sám Thâu-lan-giá. Phá Tăng luân, ít nhất là 9 người, một người xưng là Phật. Phá Yết-ma Tăng, ít nhất là 8 người, không tự xưng là Phật.

Phá Tăng luân, trong giới ngoài giới đều có thể phá được. Phá Yết-ma Tăng, chủ yếu là ở trong giới, làm Yết-ma riêng. Phá Tăng luân, phải là Tỳ-kheo. Phá Yết-ma Tăng, Tỳ-kheo-ni cũng có thể phá được. Phá Tăng luân là phá tục đế Tăng. Phá Yết-ma Tăng cũng phá luôn Đệ nhất nghĩa Tăng. Phá Tăng luân chỉ có ở nơi Nam Châu (Diêm-phù-đề). Phá Yết-ma Tăng thông cả ba thiên hạ.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tác pháp Yết-ma lần thứ ba xong, phạm Tăng tàn. Hai lần Yết-ma xong mà bỏ, phạm ba Thâu-

lan-giá. Một Yết-ma xong mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Tác bạch xong xả phạm một Thâu-lan-giá. Mới bạch xong mà bỏ cho đến thọ pháp phá Tăng, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu khi Tăng tác pháp quở trách và can gián, mà nói rằng: Đừng bỏ, người đó phạm Thâu-lan-giá. Nếu không can gián và quở trách, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn.

Không phạm: Mới bắt đầu can ngăn liền bỏ và phá điều phi pháp, phi luật, phi hòa hiệp, tất cả bạn ác v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Nếu Tăng khác biết Tỳ-kheo này muốn phá Tăng, nên sai một thân hậu (bạn) với Tỳ-kheo đó đến can gián, nếu bỏ, nên trao cho một Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ, nên sai 2, 3 Tỳ-kheo đến can gián, nếu bỏ, trao cho hai Đột-kiết-la. Trường hợp vẫn không bỏ, nên dùng Tăng đến can gián, nếu bỏ, trao cho 3 Đột-kiết-la. Nếu không bỏ, nên bạch tứ Yết-ma can gián, bạch rồi, bỏ, trao cho một Thâu-lan-giá, ba Đột-kiết-la. Cho đến 3 lần Yết-ma xong, bỏ, không bỏ, đều phạm Tăng tàn.

Luật Thập tụng nói:

Ba lần khuyên can rồi mà không bỏ thì phạm tội Tăng tàn. Tỳ-kheo này phải liền đến trong Tăng tự xưng lên rằng: Chư Trưởng lão, tôi Tỳ-

kheo tên là... mắc tội Tăng tàn. Xương liền như vậy thì tốt nếu không xương thì kể từ đó là ngày thứ nhất của tội Phú tàng. Lại nói rằng: Trước hết không dùng lời nhu nhuyễn để răn chế, liền bạch tứ Yết-ma để răn chế thì người làm Yết-ma mắc tội Đột-kiết-la. Chưa bạch tứ Yết-ma, mà liền tấn xuất đuổi đi, người làm Yết-ma mắc tội Đột-kiết-la. Chưa làm pháp răn chế, ba lần nói, ở trong giới, mà riêng thỉnh người làm Yết-ma, mắc tội Thâu-lan-giá, vì đây là nhân duyên để phá Tăng vậy; Nếu chúng Tăng biết thì chúng Tăng mắc tội.

PHỤ:

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu biết người muốn phá Tăng các Tỳ-kheo nên nói: “Trưởng lão chớ phá Tăng, phá Tăng tội nặng, đọa vào đường dữ, vào địa ngục. Tôi sẽ tặng ngài y, bát, dạy kinh đọc kinh, trao đổi công việc giáo giới”. Nếu cố ý không bỏ, nên bảo người Ưu-bà-tắc có thể lực rằng: “Người này muốn phá Tăng, nên đến can gián, khuyên nhủ họ nên bỏ việc ấy”. Vị Ưu-bà-tắc đó nên đến nói: “Tôn giả đừng phá Tăng, phá Tăng tội nặng, đọa ác đạo, và địa ngục. Tôi sẽ tặng Tôn giả y, bát, thuốc men trị bệnh. Nếu Tôn giả không muốn tu phạm hạnh, có thể hoàn tục, tôi sẽ cưới vợ cho Tôn giả và cung cấp đồ cần dùng”. Nếu cố ý không bỏ, nên rút thăm đuổi ra. Đương sự

ra rồi, nên thông báo các nơi rằng: “Các Đại đức, có người phá Tăng đến, nên phải tự biết”. Nếu thực hành đầy đủ như vậy mà còn cố ý phá Tăng, mới gọi là phá Tăng. Bồ thí đối với họ gọi là ruộng phước tốt. Thọ Cụ túc đối với họ gọi là nhận lãnh những điều lành. Nếu biết họ rồi nên bỏ đi, nếu không bỏ đi gọi là bạn của kẻ phá Tăng, là bè đảng của kẻ phá Tăng, trọn đời không nên nói chuyện, ở chung, ăn chung, không chung Phật, Pháp, Tăng; không chung Bồ-tát, an cư, tự tứ, không chung Yết-ma. Được quyền nói với người xuất gia của đạo khác: “Có giường ngồi muốn ngồi thì ngồi, không được mời người đó ngồi”.

BIỆN MINH:

Hỏi: – Tăng luân đã phá, tại sao còn gọi là ruộng phước tốt, tại sao còn gọi là thiện thọ cụ? Đã gọi thiện thọ cụ tại sao biết rồi nên bỏ đi?

Đáp: – Phá Tăng là tội Thâu-lan-giá, nhưng chưa bị mất giới, cho nên vẫn còn gọi là ruộng phước. Ví như vàng tuy chặt làm hai khúc, nhưng khúc nào cũng là vàng. Đã không mất giới, thì vẫn là Tăng già. Khi mới xuất gia chưa hề hiểu biết, theo họ thọ giới, há không đắc giới sao? Nhưng sau khi biết rồi, làm sao có thể cam tâm làm người bạn của kẻ phá Tăng? Nên phải bỏ đi vậy.

11. GIỚI KHÔNG BỎ BÈ ĐẢNG PHÁ TĂNG

Đại thừa, nhẹ... nặng... cùng đồng với giới trước.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào có bè đảng, từ một, hoặc hai, hoặc ba cho đến vô số Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bè đảng ấy nói với chúng Tỳ-kheo rằng: “Đại đức, chớ can gián Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói đúng pháp, là Tỳ-kheo nói đúng luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận”. Chúng Tỳ-kheo nên can gián các Tỳ-kheo bè đảng đó rằng: “Đại đức chớ nói như vậy: Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói đúng pháp, là Tỳ-kheo nói đúng luật, những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích; những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận. Nhưng Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói phi pháp, là Tỳ-kheo nói phi Luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hiệp Tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hiệp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ không tranh chấp; đồng học một thầy hòa hiệp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc”. Các Tỳ-kheo bè đảng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, chúng Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO⁸:

Bè đảng của Đề-bà-đạt nói với các Tỳ-kheo chớ can gián Đề-bà-đạt. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng tác Yết-ma quở trách và can gián, rồi kiết giới này.

GIẢI THÍCH:

Luật nhiếp nói:

Pháp ngữ: tức là lời nói viên mãn và đầy đủ.
Luật ngữ: tức là lời nói hiệp với chánh lý không sai quấy. Lại nữa, có khả năng dẫn đến thật nghĩa gọi là Pháp ngữ. Nói ra lời nhu nhuyễn gọi là Luật ngữ.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ hay nặng đồng như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Nếu một Tỳ-kheo bị tấn xuất mà bốn Tỳ-kheo theo vị đó, gọi là phá Tăng. Hoặc vị ấy là Tỳ-kheo hiểu nhiều, biết nhiều, nghe nhiều, đức lớn, hiểu rõ nghĩa của ba Tạng thì không nên tác pháp bất kiến tấn cho họ. Nếu tấn xuất thì mắc tội Thâu-lan-giá vì gần như phá Tăng vậy.

Lại nói: Một người tấn một người, mắc một Đột-kiết-la. Một người tấn hai, ba, bốn người, tùy theo

⁸ Tứ phần luật 5, tr. 595c, Đại 22n1428.

đó, mắc hai, ba, bốn tội Đột-kiết-la. Hai người, 3 người tẩn hai, ba, bốn hay một người cũng vậy. Nếu bốn Tỳ-kheo tẩn bốn Tỳ-kheo mắc tội Thâu-lan-giá, vì đó là nhân duyên phá Tăng vậy.

BIỆN MINH:

Hỏi: – Một Tỳ-kheo bị tẩn, mà bốn Tỳ-kheo theo vị đó gọi là phá Tăng. Tội phá Tăng này thuộc về người tẩn hay kẻ bị tẩn, hoặc là người tùy thuận theo kẻ bị tẩn?

Đáp: – Nếu người tẩn là như pháp, thì tội thuộc về kẻ bị tẩn và người theo kẻ bị tẩn. Nếu người tẩn là phi pháp thì tội thuộc về người tẩn và Tăng. Song Tỳ-kheo như pháp tuy bị tẩn oan uổng, nhưng quyết định không được ở trong giới, riêng làm Tăng sự vậy.

Lại hỏi: – Nếu người hiểu nhiều, biết nhiều v.v... không nên tác pháp Yết-ma bất kiến tẩn thì những người này khi có tội, dung thứ cho họ chăng?

Đáp: – Người hiểu biết nhiều có tội, tuy không phải có thể dung thứ, nhưng phải khéo léo khuyên lơn khiến cho họ thấy tội. Nếu vội tác pháp Yết-ma, chắc chắn đưa đến cái lỗi phá Tăng, cho nên mắc tội vậy.

12. GIỚI KẺ BỊ TẨN KHÔNG CHỊU PHỤC TÙNG

Đại thừa đồng chế. Làm hoen ố nhà người tức là giới nhơn lợi câu lợi, kinh lý bạch y v.v... Làm hạnh xấu tức là giới tà nghiệp giác quán, tà mạng

tự sống v.v... Nói Tăng có ái v.v... tức là thuộc về giới báng Tăng.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào sống nương tựa xóm làng hay thành ấp, mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy đều nghe. Hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe. Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: “Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu; sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy đều nghe, hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe! Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa”.

Tỳ-kheo ấy nói với các Tỳ-kheo kia rằng: “Đại đức, các Tỳ-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi có người không bị đuổi”. Các Tỳ-kheo nên trả lời Tỳ-kheo ấy rằng: “Đại đức chớ nói rằng: “Các Tỳ-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh, vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Mà vì Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe, hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe”. Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can

gián ba lần cho bỏ sự ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO⁹:

Tại ấp Kỳ-liên có 2 Tỳ-kheo, một người tên là A-thấp-bà, người thứ hai tên là Phú-na-bà-ta làm hạnh phi pháp tự tay trồng hoa, dạy người trồng hoa, tưới hoa, hái hoa cho đến ca, múa, xướng, hát, thổi sáo, đánh trống, nhận lấy sự mua vui giỡn cười v.v... Khi ấy, có chúng đông Tỳ-kheo đến khát thực nơi Kỳ-liên, oai nghi tề chỉnh, mắt nhìn xuống trước bước đi, các cư sĩ lại cho đó là điều không hay, không tốt. Các Tỳ-kheo tìm biết sự thật, bạch Phật đầy đủ. Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến tác pháp Yết-ma tẩn. Hai Tỳ-kheo ấy nói như trên. Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên về bạch Phật, Phật khiến Tăng tác pháp Yết-ma, quở trách can gián mà kiết giới này.

GIẢI THÍCH:

Làm hoen ố nhà người có 4 cách:

a) Nương vào nhà này làm hoen ố nhà khác, nghĩa là được vật từ nhà này đem đến cho nhà khác. Nhà người cúng vật nghe vậy không vui, nhà người được cho nghĩ sẽ trả ơn, nói lời sau: Nếu có cho mình, mình sẽ báo đáp; nếu không cho mình, chuyện gì mình phải cho họ.

⁹ Tứ phần luật 5, tr. 596c17, Đại 22n1428.

b) Nương vào lợi dưỡng làm hoen ố nhà khác, tức là Tỳ-kheo được lợi dưỡng đúng pháp, kể cả đồ ăn còn trong bình bát, đem cho một cư sĩ, không cho một cư sĩ. Người được cho kia nghĩ sẽ trả ơn... như trước.

c) Nương bạn thân làm hoen ố nhà khác, nghĩa là Tỳ-kheo nương vào vua hay đại thần, giúp cho một cư sĩ, không giúp cho một cư sĩ. Người được giúp nghĩ sẽ báo ơn: vị ấy giúp ta, ta sẽ cúng dường, không giúp ta, ta không cúng dường.

d) Nương vào Tăng-già làm làm hoen ố nhà khác, tức là Tỳ-kheo lấy bông trái của Tăng cho một cư sĩ, không cho một cư sĩ... cho đến không cho ta, ta không cúng dường. Hành ác hạnh (hành vị xấu): tức tự tay mình trồng cây trái hoa quả...

Luật Căn bản nói:

Có hai nhân duyên làm hoen ố nhà người:

– Ở chung, cùng với người nữ nằm ngồi một giường, ăn một mâm v.v...

– Thọ dụng, đồng thọ dụng cây trái, hoa, quả và cây xỉa răng v.v...

Tỳ-bà-sa nói:

Người xuất gia không hề dấm trước, không hề ham muốn điều gì, tự thủ thanh tịnh, lấy tu đạo làm tâm. Nếu cùng với người thế tục làm người qua lại, phé loạn chánh nghiệp. Lại nữa, dùng vật biểu

tặng qua lại thì phá hư tâm tốt bình đẳng của người khác. Đối với người được vật thì vui mừng ái kính, đối với người không được vật thì dù cho Hiền Thánh họ cũng không có tâm ái kính, mất sự thâm hậu phước lợi của người khác. Hơn nữa, làm đảo lộn Phật pháp, phạm người tại gia nên cúng dường cho người xuất gia, mà người xuất gia trái lại, đem cúng dường cho người tại gia. Lại nữa, người tại gia thường đối với Tam bảo, cầu ruộng phước thanh tịnh, đem hết tâm thành để trồng lấy cây lành. Người xuất gia dùng nhân duyên biếu tặng qua lại, là đi ngược lại người xuất gia, khiến họ sanh tâm hy cầu, phá hư tâm thanh tịnh tín kính, lại mất tất cả các món lợi dưỡng của người xuất gia. Nếu dùng một ít vật để biếu tặng cho bạch y, để được xây tháp bằng bảy món báu, và trang nghiêm lộng lẫy, không bằng tịnh tọa thanh tịnh trì giới; đó là cúng dường Pháp thân chơn thật của Như Lai. Nếu dùng một ít vật biếu tặng bạch y để được thiết lập Tăng xá lộng lẫy như tịnh xá Kỳ-hoàn, không bằng tịnh tọa thanh tịnh trì giới, đó là thanh tịnh cúng dường Tam bảo. Nếu dùng một ít vật biếu tặng bạch y để có được tứ vật dụng đầy đủ cả cõi Diêm-phù-đề cúng cho tất cả Thánh chúng, không bằng như tịnh tọa thanh tịnh trì giới, đó là thanh tịnh cúng dường tất cả Thánh chúng.

Nếu có kẻ cường lực muốn phá tháp đập tượng, cần dùng vật biếu để tránh khỏi, thì nên bán hoa, quả, đất của tháp, hoặc lấy tiền của tháp, hay là các phương tiện khác tùy nghi mà lo liệu. Nếu có kẻ dùng cường lực muốn đối với Tăng kỳ, phá hại tổn giảm trong đất của Tăng kỳ, tùy theo vật gì hiện có, bán để lấy tiền, mà tùy duyên lo liệu. Nếu Tăng thường lạp, hoặc diện môn lạp¹⁰ bị kẻ dùng cường lực, muốn làm tổn giảm, tùy theo phạm vi đất này, có vật gì thì dùng chúng để giải quyết.

Cha mẹ là ruộng phước nên cho phép cung dưỡng.

Người giúp việc cho Tăng kỳ thì nên giúp đỡ họ.

Nếu thí chủ muốn sắm thức ăn cúng cho chúng Tăng, họ muốn biết phép tắc thì nên hướng dẫn cho họ.

Đối với người cô đơn hành khất, vì lòng lân mẫn nên giúp họ.

Cho đến cha mẹ qua đời, tất cả không cho phép khóc kể. Bốn chúng mắc Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni mắc Ba-dật-đề, vì tâm luyến ái còn nặng sâu.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

¹⁰ Thường lạp 常臘 và Diện môn lạp 面門臘. Thường tức chỉ vật của Tăng thường trụ. Diện môn tức chỉ cho vật của Tăng hiện tiền. Còn lạp là chỉ cho vật tự tứ, vật tháp Phật, tất cả gọi chung là lạp. Ở đây không rõ nghĩa nào.

Phạm nhẹ, nặng đồng như giới trước. Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn. Ba chúng dưới, Đột-kiết-la.

Không phạm: Khi mới bắt đầu nói chịu xả liên (không phạm bản tội). Nếu phụng dưỡng cha mẹ, giúp người bệnh, trẻ em, đàn bà có thai, người bị tù, người giúp việc (không phạm tội làm hoen ố nhà người). Nếu vì Tam bảo trồng hoa v.v... dạy người hái hoa cúng dường Tam bảo, hoặc chạy tránh nạn, hoặc đi tránh, nhảy qua hầm rãnh, hoặc huýt gió kêu bạn đi (không phạm làm hạnh xấu).

Luật Thập tụng nói:

Nếu khi chưa tác Yết-ma đuổi đi, mà nói: Các Tỳ-kheo làm theo ái, nhuế, bố, si của mình, phạm Đột-kiết-la. Không nên không ước sắc (khuyên, khuyên can).

PHỤ:

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói:

Không nên vì bạch y cạo tóc, trừ họ muốn xuất gia.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) nói:

Không nên lễ bạch y, không nên lễ tháp miếu của bạch y, cũng không nên cố ý đi nhiễu quanh phía tả.

– Không nên bói toán cho người, không nên nhờ người bói toán.

– Không nên tự ca múa hoặc thổi ốc để cúng dường tháp, cho phép nên bảo bạch y làm.

– Không nên nuôi chim anh võ v.v... không nên nuôi chó.

– Không nên cỡi các loại xe như xe voi, xe ngựa.

– Không nên cầm nắm đao kiếm. Người già bệnh cho phép đi xe kéo, hoặc xe do loài đực kéo. Tránh nạn cho phép cỡi xe voi, xe ngựa.

Bạch y cầm đao kiếm đến gởi, cho phép nhận cất giấu.

Đối với trong pháp luật của Thánh, ca hát coi như khóc, múa may thì như kẻ điên, cười giỡn giống như con nít.

– Không nên đến nhà bạch y lúc buổi chiều tối, trừ vì việc Tam bảo, việc Tỳ-kheo bệnh, hoặc là Đàn-việt mời.

– Thường tới nhà bạch y có 5 điều lỗi: Thường thấy người nữ, dần dần cùng nhau gần gũi, trở thành thân thiết, sanh ý dục, hoặc phạm tử tội hay gần như tử tội. (phạm thiên đầu hay thiên thứ hai).

– Nhà bạch y có 9 pháp dưới đây: Nếu họ chưa là Đàn-việt thì không nên kết nạp làm Đàn-việt; nếu đến nhà họ, không nên ngồi. Chín pháp ấy là:

1. Thấy Tỳ-kheo không thích đứng dậy để chào.

2. Không ưa tác lễ.
3. Không ưa mời Tỳ-kheo ngồi.
4. Không ưa thấy Tỳ-kheo ngồi.
5. Tỳ-kheo nói không tín thọ.
6. Nếu có y phục ẩm thực, những thứ cần dùng, vì khinh mạn Tỳ-kheo nên không chịu cho.
7. Có rất nhiều mà cho rất ít.
8. Có đồ tốt mà cho đồ xấu.
9. Hoặc cho với lòng không cung kính.

Luật Ngũ phân nói:

Không nên dùng trái cây của Tăng biếu tặng cho bạch y, nếu họ xin thì cho.

– Học chú thuật mê hoặc người, chú thuật làm cho người chết ngồi dậy, phạm Thâu-lan-giá.

Luật Thập tụng nói:

Có 5 chỗ Tỳ-kheo không nên đến:

- Chỗ có đồng nư.
- Chỗ có quả phụ.
- Chỗ phụ nữ ở.
- Chỗ dâm nữ.
- Chỗ Tỳ-kheo-ni.

Lại có 5 chỗ nữa:

- Nhà của bọn giặc

- Nhà của Chiên-đà-la.
- Nhà nấu và bán rượu.
- Nhà dâm nữ.
- Nhà hàng thịt (đồ tế).

Luật Căn bản tạp sự nói:

Có 5 chỗ là nơi không phải chỗ mình nên đứng lại:

- Nhà xưởng hát.
- Nhà dâm nữ.
- Nhà nấu và bán rượu.
- Nhà của vua.
- Nhà của Chiên-đà-la.

Luật Thiện kiến nói:

Đàn-việt thỉnh Tỳ-kheo tống táng, không nên đi.

Bộ Nam hải ký qui nói:

Cách tế tự người chết không được khóc thương như người thế tục. Theo lý thì nên vì người chết, sửa soạn một cái phòng sạch sẽ, tùy theo lúc, có thể treo phan trướng, đọc kinh, niệm Phật, đầy đủ hương hoa, mong cầu hương hồn của người ấy thác sanh chỗ lành, mới thành người con có hiếu, mới là trả ơn. Nếu Tỳ-kheo quá vãng nên hỏa thiêu. Người tống táng nên ngồi một bên, bảo một người có khả năng tụng kinh vô thường, nửa biến hay một biến không nên lâu quá, sau đó, mỗi người đều niệm vô

thường. Khi trở về lại trú xứ, ngoài chùa nên tắm và giặt y áo. Tất cả đều dùng áo cũ, không cần tốn áo mới. Mặc áo khô khác, rồi mới về lại phòng. Cách thức về y phục, không hề có chút gì khác biệt. Đâu cho phép khóc than cả tháng, mặc áo chế 3 năm ấy ư?

Bộ căn bản ni-đà-na nói:

Không nên bán thuốc nếu khéo về nghề làm thuốc, nên khởi lòng từ mẫn, mà theo bệnh cho thuốc, không được nhận lấy tiền bạc của người.

Bộ Tri môn cảnh huấn nói:

Kẻ dùng tà tâm gắn liền với tham nhiễm, vì lợi bán pháp, lễ Phật, tụng kinh, đoạn thực, các hành động để thu hoạch của cải bất chính, đều gọi là vật tà mạng, trái hẳn lời Phật dạy.

13. GIỚI KHÔNG BỎ ÁC TÁNH

Đại thừa đồng chế cấm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, có tánh ngoan cố không nghe người khuyên, đã được các Tỳ-kheo khuyên can như pháp về những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói: “Các Đại đức chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu, các Đại đức hãy thôi, chớ can gián tôi”. Các Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo ấy rằng: “Đại đức chớ tự

thân không nhận lời can gián. Đại đức hãy tự thân nhận lời can gián, Đại đức như pháp can gián các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, can gián lẫn nhau, chỉ bảo lẫn nhau, phát lồ với nhau”. Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy, kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo nên ba lần can gián cho bỏ sự ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYỄN DO¹¹:

Tôn giả Xiển-đà có ác tánh, không nhận lời người khác can gián. Phật khiến Tăng Yết-ma quở trách và can gián, kết giới này.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng thế nào đồng như giới trước. Trước khi chưa tác bạch, ác tánh không nhận lời người khuyên, phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni thì Tăng tàn, ba chúng dưới, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu là người vô trí, khi được can gián trở lại nói rằng: Hòa thượng, A-xà-lê của ngài, việc làm cũng như vậy, ngài có thể trở lại học vấn tụng kinh.

Luật Thập tụng nói:

¹¹ Tứ phần luật 5, tr. 599a16, Đại 22n1428.

Nếu các Tỳ-kheo không cử không ức niệm, tự thân không chịu nói năng với người khác, phạm Đột-kiết-la. Người như vậy không nên khuyên can (ước sắc).

Luật Thiện kiến nói:

Cử tức là Tỳ-kheo nói, Trưởng lão, ngài phạm tội đó, nên phát lồ, đừng che giấu, nên trừ diệt đúng như pháp. Ưc niệm: nghĩa là Tỳ-kheo nói, Trưởng lão, ngài nhớ nghĩ khi đó, chỗ đó đã làm cái tội như vậy chăng?

PHỤ:

*Phần thứ tư*¹² nói:

Phật bảo các Tỳ-kheo: Tôi vì các ông nói tám loại ngựa dữ và tám loại người dữ:

1. Hoặc có loại ngựa dữ, tra dàm và roi vào, là muốn cho nó đi tới, nó lại quỳ xuống không chịu đi.
2. Có loại ngựa dữ, lại dựa vào hai gọng xe không chịu đi tới.
3. Có loại ngựa dữ, nhào lặn xuống đất, đã bị tổn thương chân lại bị gãy cả gọng xe.
4. Hoặc đi thụt lui không chịu đi tới.

¹² Tứ phần luật 60, phần thứ tư chương Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1010a07, Đại 22n1428.

5. Hoặc chạy ngoài lề đường phá hỏng cả bánh và trục xe.

6. Hoặc có con không sợ người đánh xe, cũng không sợ roi vọt, cứ la rống nhảy nhót, không kiềm chế được.

7. Hoặc hai chân đứng dựng lên như người, phun nước miếng.

8. Hoặc nằm ngửa, chống 4 chân lên trời¹³.

Đó là 8 loại ngựa dữ. Sau đây là 8 loại người dữ:

1. Có Tỳ-kheo bị cử kiến, văn, nghi tội, lại nói: tôi không nhớ, tôi không nhớ.
2. Hoặc không nói phạm, không nói không phạm đứng nín thinh.
3. Hoặc nói: Trưởng lão tự mình cũng phạm tội làm sao có thể trừ tội cho người khác.
4. Hoặc nói: Trưởng lão ngu si, cần phải học lại, mà muốn dạy tôi?
5. Hoặc nói chuyện không nhằm vào đâu, rồi giận dỗi ngược lại.

¹³ Câu này ngài Trí Húc trích dẫn nhầm. Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 4, tr. 377c12, Vạn 40n719: “Hoặc phản tồn ngựa 或反蹲臥”. Tứ phần luật 60, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1010a19, Đại 22n1428: “Hoặc tồn hoặc ngựa 或蹲或臥.” Dịch: (có loại ngựa dữ khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới), nó lại ngồi hay nằm xuống.

6. Hoặc không sợ chúng Tăng, cũng không sợ phạm tội, không chấp nhận lời nói của người cử tội, lại lấy tọa cụ để trên vai, bỏ đi ra, không thể khiển trách được.

7. Hoặc lật ngược y giữa chúng, đưa tay lên nói lớn: “Các ông lại dám dạy tôi à?”.

8. Hoặc nói: Trưởng lão không cho tôi y, bát, ngọa cụ, thuốc men, tại sao lại dạy tôi? Rồi xả giới, thô tu, chấp nhận con đường tồi tệ nhất. Đến chỗ Tỳ-kheo khác nói: Tôi bỏ đạo không tu nữa, ý ông khoái lắm phải không.

Tám hạng người dữ này cùng với tám loại ngựa dữ kia không khác, đức Phật thương và lân mẫn họ.

C. HỎI ĐỂ KẾT THÚC

Các Đại đức, tôi đã tụng xong mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới đầu, lần đầu làm là phạm; bốn giới sau cho đến ba lần can gián. Tỳ-kheo nào phạm bất cứ một pháp nào, biết mà che giấu, cần phải cưỡng bức cho Ba-lợi-bà-sa¹⁴ hành

¹⁴ Ba-lợi-bà-sa 波利婆沙: Skt. Parivāsa, theo Tứ phần luật thì Ba-lợi-bà-sa được dịch là “phú tàng”, theo Tăng kỳ thì dịch là “biệt trụ”. Theo hai nghĩa này thì người phạm vào tội Tăng tàn mà che giấu tội, thì cứ tùy theo ngày che giấu tội bao

Ba-lợi-bà-sa xong, cho thêm sáu đêm Ma-na-đỏa¹⁵. hành Ma-na-đỏa xong, còn phải xuất tội. Cần phải giữa Tăng gồm hai mươi vị để xuất tội của Tỳ-kheo ấy. Nếu thiếu một vị, không đủ chúng hai mươi người mà xuất tội Tỳ-kheo ấy, thì tội của Tỳ-kheo ấy không được trừ các Tỳ-kheo cũng bị khiển trách. Như thế là hợp thức.

Nay hỏi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không ? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

GIẢI THÍCH:

Luật Tăng kỳ nói:

Đức Phật quả trách vị Tỳ-kheo che giấu là ngu si, đó là điều ác. Phạm giới còn không biết xấu hổ, tại sao ăn năn tội lỗi lại xấu hổ? Liền nói kệ rằng:

Che giấu bị đọa lạc,

Không giấu, thoát luân hồi.

Vậy khuyên người che giấu,

nhiều mà thi hành biệt trụ bấy nhiêu ngày theo đó, không được cùng ở chung với Tăng.

¹⁵ Ma-na-đỏa 摩那埵: Skt. Mānatta, nghĩa là ý vui (ý hỷ hay duyệt). Tỳ-kheo nào phạm tội Tăng tàn (không che giấu tội) thì phải hành sáu đêm Ma-na-đỏa sám hối, nhờ vậy mà tẩy trừ tội lỗi, mình vui và người cũng vui.

Đừng giấu, khỏi luân hồi.

Luật Thiện kiến nói:

Ma-na-đỏa, theo ngôn ngữ nhà Hán gọi là chiết phục cống cao, cũng gọi là hạ ý. Hạ ý tức là vâng lời chúng Tăng.

A-phù-ha-na: Theo ngôn ngữ nhà Hán gọi là kê vào, cũng gọi là bạt tội. Tại sao gọi là kê vào bạt tội? Cùng nhau đồng Bố-tát thuyết giới, tự tứ, cùng chung pháp sự, cho nên gọi là kê vào bạt tội.

Tát-bà-đa ma-đặc-lặc-già nói:

Hạ ý đối với tất cả Tỳ-kheo gọi là Ma-na-đỏa, còn từ chỗ không thiện đưa đến chỗ thiện gọi là A-phù-ha-na.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Ma-na-đỏa, theo nhà Tần nói là ý hỷ. Tự mình hoan hỷ, cũng khiến cho chúng Tăng hoan hỷ. A-phù-ha-na: tức là thanh tịnh giới sanh, đặc tịnh giải thoát, ở trong giới này thanh tịnh không phạm.

BIỆN MINH:

Hỏi:– Xuất tội cho người phạm thiên thứ hai phải đủ chúng 20 người. Nay cách đức Phật đã quá xa, luật pháp bỏ hoang từ lâu rồi, giả như người

phạm tội này, không có đủ 20 vị Tăng, làm sao xuất tội được?

Đáp: – Tuy không đủ 20 vị Tăng “khả dĩ” để xuất tội, nếu có 4 vị Tăng thanh tịnh cũng có thể như pháp, tác pháp Yết-ma, Ma-na-đỏa, Phú tàng bốn nhật trị v.v... nương nơi pháp thi hành, sau đó gặp trường hợp đủ 20 vị Tăng, lại cầu xuất tội. Giả như cuối cùng không có đủ được, cũng gọi là thanh tịnh, như trong pháp trị tội đã nói rõ.

Thiên thứ hai nói xong về 13 pháp Tăng tàn.

III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

Cũng chia làm 3 phần: Nêu chung, liệt kê riêng và hỏi để kết thúc.

A. NÊU CHUNG

Thưa các Đại đức, đây là hai pháp Bất định xuất từ Giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

B. LIỆT KÊ RIÊNG: chia làm hai:

1) *Pháp bất định* – thuộc 3 trường hợp

Đây là tánh tội, Đại thừa đồng học.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào cùng với một người nữ một mình ngồi tại chỗ khuất, chỗ kín, chỗ có thể hành dâm, nói lời phi pháp, có vị Ưu-bà-di trụ tín nói một pháp nào trong ba pháp, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, và Tỳ-kheo ngồi ấy tự xác nhận: “Tôi phạm tội ấy”. Vậy cần

xử trị một trong ba pháp, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, đúng như lời Ưu-bà-di trụ tín. Cần phải như pháp xử trị Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp Bất định.

NGUYÊN DO¹⁶:

Ca-lưu-đà-di cùng với vợ của người bạn thân tên Trai ưu-bà-di, để ý lẫn nhau. Đến giờ khát thực Ca-lưu-đà-di tới nhà người ấy cùng ngồi một giường, nói lời phi pháp. Tỳ-xá-khư Mẫu nghe nói dòm thấy, bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Một mình: tức là một Tỳ-kheo và một người nữ.

- Khuất và kín có hai loại:

- Khuất không thấy do bụi, sương và bóng tối.

- Không nghe tức ở chỗ mà tiếng nói thường không nghe được.

Chỗ ngăn cách: hoặc do cây, hoặc do vách tường hoặc do rào dậu, hoặc áo và các vật khác làm vật ngăn che.

Trụ tín Ưu-bà-di: tức là người thọ Tam quy và Ngũ giới, nhớ sự việc tốt không nhầm lẫn, không quên mất.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Người Ưu-bà-di khả tín, tức là người mà có kẻ nói rằng: “Nếu bà chịu nói láo thì không hại mạng

sống của bà, nếu bà không nói láo thì bà bị giết”. Người ấy liền nghĩ: “Ta không nói láo, chỉ hại thân này, mất một thân mà thôi. Nếu ta nói láo thì hại vô lượng thân, kể cả Pháp thân, vậy thề không nói láo”. Lại có người nói: “Nếu bà chịu nói láo thì cha mẹ, anh em, chị em, tất cả họ hàng của bà đều được sống. Nếu bà không nói láo thì tất cả bị giết”. Người ấy suy nghĩ: “Ta không nói láo thì chỉ hại thân tộc trong một đời. Nếu ta nói láo thì trôi lăn trong ba đường ác, hằng mất thân tộc quyến thuộc nhiều đời trong cõi nhơn và thiên. Lại mất cả dòng họ hiền Thánh nơi cõi xuất thế nữa. Vậy, thề không nói láo”. Lại có người nói: “Nếu bà chịu nói láo sẽ cho bà tất cả tài lợi kể cả trân bảo. Nếu bà không nói láo thì không cho bà của ấy”. Người ấy liền nghĩ: “Ta không nói láo chỉ mất tài lợi trong thế gian này mà thôi, nếu ta nói láo thì mất pháp tài của Thánh. Vậy, thề không nói láo”. Người như vậy gọi là Ưu-bà-di khả tín.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu Tỳ-kheo tự nói: “Tôi có trên đường đi đến chỗ đó; tôi có đến chỗ đó, tôi có ngồi, tôi có nằm, tôi có làm như vậy”, thì nên như Tỳ-kheo nói mà xử trị. Nếu Tỳ-kheo không tự nói: Có làm, có nằm, có ngồi, có đến chỗ đó, chỉ nói có trên đường đến chỗ đó. Địa điểm đến, ngồi, nằm v.v... thì nên như

¹⁶ Tứ phần luật 5, tr. 600b, Đại 22n1428.

lời Ưu-bà-di nói mà xử trị. Vì là thuộc về pháp không định nên gọi là pháp Bất định.

Luật Thập tụng nói:

Nếu Tỳ-kheo không tự nói có tội như vậy, thì nên tùy theo lời nói khả tín của Ưu-bà-di nói mà tác pháp Yết-ma thật mịch tội. Tác pháp xong nên tùy thuận mà thi hành, không được trao giới Cụ túc cho người khác v.v... Nếu không như pháp thực hành thì trọn đời không được xả Yết-ma này.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Tác Yết-ma rồi, nếu nói tội trước, nên giải Yết-ma, tùy theo tội nhẹ nặng mà trị. Nếu không nói tội thì trọn đời không giải Yết-ma ấy.

2) Pháp bất định – thuộc 2 trường hợp

Duyên khởi tức là nguyên do, đồng như giới trước.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào cùng một người nữ ngồi tại chỗ trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục, có vị Ưu-bà-di trụ tín nói, một trong hai pháp, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, và Tỳ-kheo ngồi ấy tự xác nhận: “Tôi phạm tội ấy”. Vậy cần xử trị một trong hai pháp, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, đúng như lời của vị Ưu-bà-di trụ tín. Cần phải như pháp xử trị Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp Bất định.

C. HỎI ĐỂ KẾT THÚC

Các Đại đức, tôi đã tụng hai pháp Bất định.

Nay hỏi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Thiên thứ ba nói về hai pháp Bất định xong.

IV. BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA

Cũng chia làm 3 phần: Nêu chung, liệt kê riêng và hỏi để kết thúc.

A. NÊU CHUNG

Thưa các Đại đức, đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

GIẢI THÍCH:

Ni-tát-kỳ: Hoa dịch là Xả. Ba-dật-đề dịch là Đọa. Nghĩa là 30 việc này đều do nơi tài vật mà phạm tội. Vật này phải xả. Tội Ba-dật-đề phải sám hối để trừ.

B. LIỆT KÊ RIÊNG: 30 VIỆC.

Từ giới thứ nhất y dư, cho đến giới thứ 30 là xoay vật của Tăng về cho mình.

1. GIỚI CHỨA Y DƯ

Đây thuộc về giá tội. Đại thừa vì chúng sanh, tuy không đồng học, nhưng cũng phải thuyết tịnh.

Bộ Tri môn cảnh huấn nói:

Luận *Trì địa* gọi Bồ-tát đối với tất cả những gì dư thừa mà cất chứa, đều là chẳng phải tịnh. Để cho tâm được thanh tịnh, nên dâng cho mười phương các đức Phật, Bồ-tát. Như Tỳ-kheo đem y vật hiện tiền dâng hiến cho Hòa thượng, A-xà-lê v.v...

Kinh Niết-bàn nói:

Tuy cho phép nhận để chứa, nhưng cốt yếu phải tịnh thí đến người Đàn-việt ngoan đạo. Thời nay vấn đề giảng dạy, học hành chỉ chuyên nghĩ đến lợi danh, không hổ thẹn đối với năm món tà¹⁷, phần nhiều chứa cất 8 thứ như nhớp¹⁸. Chỉ chạy

¹⁷ Năm món tà: Tỳ-kheo vì cuộc sống mà mưu làm không như pháp sự, nên gọi là tà mạng. Có 5 món tà: 1) Đối với người thế tục trá hiện dị tướng, kỳ đặc tướng để cầu lợi dưỡng. 2) Tự nói công năng và công đức của mình với mục đích cầu lợi dưỡng. 3) Xem tướng tốt xấu, học bói toán mà nói sự kiết hung của người vì cầu lợi dưỡng. 4) Lớn tiếng ra oai, đại ngôn thù dật, thể hiện ra oai với mục đích tìm cầu lợi dưỡng. 5) Nói lên những điều đặc lợi của mình để động tâm người, cũng vì tìm cầu lợi dưỡng.

¹⁸ Tám thứ như nhớp: 1) Đặt mua nhà cửa ruộng đất. 2) Trồng trọt. 3) Dự trữ tích chứa lúa gạo. 4) Nuôi dưỡng nô tỳ. 5) Nuôi dưỡng súc vật. 6) Tích chứa vàng bạc, tiền của, châu báu. 7) Tích chứa gà voi chim khướu cùng các vật khác. 8) Tích chứa

theo nếp sống phù phiếm của thế tục, không nhớ lời Thánh dạy. Sau khi thọ giới, trải qua nhiều hạ lạc, đối với tịnh pháp chưa hề thấm vào người, dù chỉ một giọt. Đâu biết tất cả vật dụng dùng hằng ngày, đâu không phải là vật như nhớp. Rương đầy cất chứa đều là tài vật phạm tội, khinh pháp dối lòng, tự để lại điều tai hại kia; người học Luật biết mà cố ý phạm. Các Tông khác vốn không còn gì để nói. Ai biết quả báo theo tâm mà thành tựu, đâu tin quả do nhân mà có. Đời này áo cà-sa không còn mặc, mai sau tám sắt bao thân. Làm người thì sanh vào chỗ bần cùng, áo chăn như nhớp. Làm súc sanh thì đọa vào chỗ bất tịnh, lông cánh hôi tanh. Huống là Đại, Tiểu hai thừa đều gọi là tịnh pháp. Giả như có lòng tin sâu đậm, tại sao ngại việc phụng hành? Cho nên *Phụ hành ký* của ngài Kinh Khê ghi: “Có người nói các vật sở hữu, khởi ý tưởng không phải của mình, có ích thì dùng, thuyết tịnh làm gì?” Nay xin hỏi: Tất cả đều không phải là của mình, đâu không ở nơi bốn biển? Có ích thì dùng, sao không gởi thẳng nơi hai thứ ruộng (bi điền và kính điền) mà đóng kín cửa phòng, niêm phong rương tráp? Nếu nghĩ rằng vật đó là của người khác mà thọ dụng thì chắc chắn có tội. Còn nếu xem đó là vật của mình, thì sao không thuyết

đồ đồng, đồ thiết, vạc chõ dùng để tự nấu nướng. Đó là 8 thứ như nhớp bất tịnh Tỳ-kheo không được phạm vào.

tịnh¹⁹? Thuyết tịnh để thí xả, đối với lý ngại gì? Không nghĩ là của mình, để hậu sanh noi gót. Nên biết người không thuyết tịnh, rất trái với lời Phật dạy. Không thuộc về hai thừa, chẳng ở trong ba căn²⁰, xuất gia như thế ấy, đâu không phải là hư đốn?

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, y đã xong, Ca-thi-na y đã xả, cất chứa y dư, trong 10 ngày không tịnh thí được phép chứa; Nếu quá 10 ngày, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO²¹:

Đức Phật cho phép Tỳ-kheo chứa ba y, không được dư. Lục quần Tỳ-kheo chứa y dư, hoặc sắm y buổi sáng, y buổi trưa, y buổi xế, nên mới chế cấm. Tôn giả A-nan nhận được một y phẩn tảo, muốn tặng ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp lúc ấy không có ở nhà. Tôn giả A-nan bạch Phật. Phật hỏi: Ngài Ca-diếp lúc nào về? Được trả lời: Sau 10 ngày. Phật cho phép chứa để 10 ngày.

Kiên-độ nói về y²², ghi rằng:

¹⁹ Thuyết tịnh: Skt. Vikalpa, Pāli. vikkpa, nghĩa khác “tịnh thí”, “tác tịnh”, ngài Nghĩa Tịnh dịch “phân biệt”, tức hợp thức hoá, hợp pháp hoá.

²⁰ Ba căn: chỉ cho ba độc tham, sân, si. Ba cái này thường sanh ra nghiệp ác, cho nên gọi là căn. Nhưng ba căn ở đây chỉ cho ba căn Vô lậu là Giới, Định, Tuệ.

²¹ Tứ phần luật 6, tr. 601c, Đại 22n1428.

Đức Phật thấy các Tỳ-kheo trên đường đi, mang theo nhiều y vật. Đức Phật nghĩ: Nên định số lượng cho y, không nên chứa quá nhiều.

Lúc bấy giờ, đầu đêm đức Phật mặc cái y thứ nhất giữa đêm cảm thấy lạnh, Ngài mặc cái y thứ hai, cuối đêm cảm thấy lạnh, Ngài lại mặc cái y thứ ba, bèn thấy an ổn. Do vậy Ngài cho phép các Tỳ-kheo chứa ba y, không được nhiều hơn.

Luật Tăng kỳ nói:

Các đệ tử của Ta đều dùng ba y, đủ ngăn lạnh và ngừa nóng, tránh khỏi mòng muỗi, che kín sự tầm quý, không làm hư hoại giống Thánh. Nếu không chịu nổi sức lạnh thì cho phép loại y cũ tùy ý may nhiều lớp.

GIẢI THÍCH:

Y đã xong: tức là 3 y đủ. Y Ca-thi-na: Hoa dịch là y công đức. Văn sau có giải rõ. Trường y: tức là dài tám ngón tay của đức Như Lai, rộng 4 ngón tay (dài 1 thước 6 tấc, rộng 8 tấc, có thể may 3 y điều cách).

Luật nhiếp nói:

Nên biết 3 y, việc sử dụng chúng khác nhau. Khi làm việc, lúc đi đường, và ở trong chùa, thường

²² Tứ phần luật 40, phần thứ ba Kiên-độ y, tr. 856c25, Đại 22n1428.

dùng y 5 điều. Khi hành lễ, lúc ăn uống, nên đắp y 7 điều. Để ngăn lạnh, vào xóm làng khát thực, thọ trai, lễ tháp nên mặc đại y. Hai loại y sau nên cắt rọc mà may. Nếu là kẻ nghèo, cái sau chắc chắn phải cắt rọc.

Luận Tát-bà-đa nói:

Chín mươi sáu nhóm ngoại đạo, không có pháp tịnh thí. Đức Phật dùng sức phương tiện Đại từ bi dạy cho pháp tịnh thí, khiến các đệ tử được chứa của dư mà không phạm giới.

Hỏi: – Tại sao đức Phật không trực tiếp cho phép chứa của dư mà lại cưỡng cho kiết giới, thiết lập phương tiện này?

Đáp: – Phật pháp lấy thiếu dục làm gốc, cho nên kiết giới không cho chứa của dư. Chúng sanh căn tánh không đồng, hoặc có người cất chứa dư trữ nhiều, sau đó hành đạo mới chứng đặng Thánh pháp, cho nên đức Như Lai, trước hết vì họ kiết giới, sau mới thiết lập phương tiện. Đối với Chánh pháp không có gì ngại, và khiến chúng sanh được lợi ích.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trong vòng 10 ngày được y, có ngày được, có ngày không được, đến ngày thứ 11, tướng mặt trời xuất hiện, đều phạm tội Xả đọa. Hoặc tịnh thí, hoặc không tịnh thí, sai cho người, hay mất, cũ hư,

làm vật phi y, tác ý thân hậu mà lấy, hay quên mất y v.v... cũng vậy.

(Tịnh thí nghĩa là thật cho người, hoặc hướng về người khác thuyết tịnh. Khác với điều này gọi là không tịnh thí. Sai cho người tức là triển chuyển tịnh thí. Mất tức là bị ăn trộm và lìa y ngủ v.v... Cũ hư tức là bị mục nát... Làm vật phi y tức là vật dụng khác. Tác ý thân hậu lấy nghĩa là bị thân hậu lấy đi. Trong trường hợp này từ ngày thứ nhất, được y rồi, cho đến ngày thứ 10, trong thời gian 10 ngày đó, hoặc có ngày được y, hoặc có ngày không được y, những cái được ấy, hoặc tịnh thí, hoặc không tịnh thí v.v... chỉ lấy thể lực ngày thứ nhất được y, trong 10 ngày đó gọi là y dư được chứa, cho đến ngày thứ 11, tướng mặt trời xuất hiện, đều phạm Xả đọa. Ví như đặng một vật trước, tùy theo đó tác tịnh thí v.v... thì không nên tính là vật dư, cách sau một ngày, hoặc lại được y, ngày đó mới được tính là ngày thứ nhất, được tùy ý chứa cho đến ngày thứ 10 đều không phạm vậy).

Nếu y Xả đọa mà không xả, đem đổi lấy y khác thì mắc một tội Xả đọa, một tội Đột-kiết-la. Y này phải xả giữa Tăng, hoặc chúng nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng (*Tùy theo trú xứ đó nhiều người hay ít người, nên tập hợp lại một chỗ sau đó mới xả*). Nếu xả mà không thành xả, phạm tội Đột-kiết-la.

Nên đến giữa Tăng, trật vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng lên Thượng tọa, chấp tay, quỳ gối bạch như sau:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo tên... có chứa y dư, quá 10 ngày, phạm Xả đọa. Nay tôi xả cho Tăng”.

Xả y rồi phải sám hối. Vị nhận làm sám hối nên nói:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên... cố ý chứa y dư, phạm Xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận, tôi làm người nhận sám hối cho Tỳ-kheo... Đây là lời tác bạch”.

Đương sự nên hướng đến vị này bạch rằng:

“Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ-kheo tên... cố ý chứa y dư, phạm Xả đọa. Y đã xả giữa Tăng rồi. Đây thuộc về tội Ba-dật-đê, nay theo Đại đức sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối không an vui. Ghi nhận tôi là người phạm mà phát lồ, biết mà không che giấu. Đại đức ghi nhận cho rằng: Tôi trong sạch giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố-tát”. Nói như vậy ba lần.

Vị nhận sám hối nên nói với người ấy rằng:

“Tự trách tâm ông”. Đương sự trả lời: “Vâng”.

Trường hợp Tăng đông nhiều, khó tập hợp, Tỳ-kheo này muốn đi xa, nên hỏi vị ấy rằng: Y này ngài muốn cho ai? Tùy theo họ nói mà cho người ấy. Tăng liền trả y này lại cho Tỳ-kheo ấy. Bạch nhị Yết-ma như sau mà trả:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe. Tỳ-kheo tên... cố ý chứa y dư, phạm Xả đọa. Nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này cho Tỳ-kheo kia tên... Tỳ-kheo kia tên... nên trả y lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch”.

Sau khi tác Yết-ma, nếu xả rồi mà không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Nếu có người nói: Đừng trả. Người ấy phạm Đột-kiết-la. Hoặc làm pháp tịnh, hoặc sai cho người khác, hoặc đem may ba y, hoặc may y ba-lợi-ca-la²³ (*Luật Thiện kiến nói: Châu-la-ba-lợi-ca-la Tỳ-kheo-ni, Hán gọi là Tạp toái y ‘Tăng-già-lê’*), hoặc cũ hư, hoặc bị cháy, hoặc tác phi y, hoặc mặc mãi cho hư rách, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Không phạm: Trong vòng 10 ngày, tịnh thí, sai cho người khác, hoặc tưởng là bị cướp mất, bị cháy, bị trôi v.v... Không tịnh thí, không sai cho người

²³ Y ba-lợi-ca-la 波利迦羅衣: Skt=Pāli. parikara, giày đai, giày nịt, để buộc y phục. (cht. Tứ phần luật, HT. Thích Đồng Minh dịch).

khác mà không phạm là người nhận sự phú chúc của y bị qua đời, đi xa, thôi tu, nạn giặc, thú dữ hại, nước trôi.

Kiên-độ y nói:

Y của chúng Tăng quá 10 ngày không phạm Xả đọa.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu vì Phật vì Tăng cúng dường, vật sư tâm tập hợp lại một chỗ, tuy lâu chưa dùng đến không phạm.

Luật nhiếp nói:

Nếu vì Tam bảo chứa y, không phạm. Hoặc thí chủ nói: “Đây là vật của tôi, như giả sẽ thọ dụng”, tuy không phân biệt mà dùng không phạm (tức là thuyết tịnh rồi vậy).

Luật Căn bản nói:

Nếu phạm xả đọa, không xả mà không nói lên sự ăn năn; hoặc tuy nói lên sự ăn năn mà không để cách qua một đêm, tùy theo chỗ nhận được đều thành Xả đọa, do tiền nhiệm vậy. Nếu xả y, thuyết hối, trải qua đêm rồi, được thí đều không phạm.

Luật Ngũ phân nói:

Không được xả cho người khác và cho phi như. Xả rồi, vậy sau mới sám hối. Nếu không xả, không sám hối, tội càng sâu dày.

Trừ chứa 3 y, nếu chứa y khác cho đến khăn tay, quá 10 ngày đều phạm Đột-kiết-la. Nếu tịnh thí thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu ngày đầu được y, liền ở trong trường hợp bất kiến tẩn, bất tác tẩn (tức là chẳng sám hối mà cử tội), ác tà bất xả tẩn, hoặc cuồng tâm, loạn tâm, bệnh hoại tâm, chưa giải tẩn, tâm thần chưa ổn định, cho đến mạng chung, không phạm giới này. Sau khi giải tẩn, ổn định tâm thần, từ đó kể ngày mà thành tội. Nếu ngày đầu được y, liền vào thiên cung, đến Uất-đơn-việt ở, người đó đến trọn đời không phạm giới này. Sau trở về bốn xứ, kể từ ngày đó mà thành tội. Nếu ngày đầu được y cho đến 5 ngày sau bất kiến tẩn v.v... sau giải tẩn, tâm thần ổn định, lấy 5 ngày trước, tính thêm sau 5 ngày, sau đó mới thành tội.

2. GIỚI LÌA Y NGỦ

Đây là thuộc tội ngăn ngừa, Đại thừa đồng chế. Thuộc về 18 vật.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, y đã xong, Ca-thi-na y đã xả, là một trong ba y ngủ đêm chỗ khác, trừ Tăng Yết-ma, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO²⁴:

Lục quần Tỳ-kheo, du hành trong nhơn gian, đem y gửi cho Tỳ-kheo thân hữu. Thân hữu thường thường đem phơi. Các Tỳ-kheo hỏi biết việc ấy, bạch Phật, kiết giới. Khi ấy, có một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ lở, có việc cần muốn đi trong nhơn gian, vì phẩn tảo Tăng-già-lê quá nặng không thể mang theo được. Đồng bạn bạch Phật, Phật cho phép Tăng bạch nhị Yết-ma, kiết không mất y cho Tỳ-kheo bệnh.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu để y trong Tăng-già-lam, ngủ dưới gốc cây, hay là chỗ khác, đến khi mặt trời xuất hiện, tùy theo chỗ lìa y, phạm Xả đọa. Để y chỗ khác, ngủ nơi Tăng-già-lam cũng vậy. Trừ ba y, lìa y khác phạm Đột-kiết-la. Xả rồi, sám hối... đồng như giới trước. Tăng nên bạch nhị Yết-ma trả y lại cho Tỳ-kheo này. Nếu không trả, cho đến mặc hư rách, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Không phạm: Minh tướng chưa xuất, tay rờ đựng y, hoặc niệm xả y, hoặc đến chỗ có thể liệng cục đá đựng chỗ để y v.v... (*giới hẹp của y là tay rờ đựng y, giới rộng của y là ném cục đá đến chỗ đó, tức gọi là không lìa y. Hoặc không rờ đựng y, ném cục đá cũng không đến chỗ đó, phải kịp thời khi*

²⁴ Tứ phần luật 6, tr. 603a, Đại 22n1428.

tướng mặt trời chưa xuất hiện, khởi ý nghĩ là y bị mất. Bởi vì y bị mất 'xả y' thì chỉ mắc tội Đột-kiết-la vì thiếu y ; không xả y thì phạm tội Ni-tát-kỳ vì lìa y, cho nên tránh tội nặng mà nhận lấy tội nhẹ vậy).

Luật Thiện kiến nói:

Yết-ma là cho phép khi bệnh chưa lành, được lìa y mà ngủ. Nếu Tăng làm Yết-ma rồi, lìa y đến phương khác, bệnh lành muốn trở về, trên đường đi gặp nạn không về được, mà luôn luôn có ý nghĩ trở về thì tuy bệnh mạnh rồi nhưng không mất y; nếu quyết định không có ý trở về thì mất y, qua 10 ngày phạm tội trường y (chứa y dư). Nếu đến phương khác bệnh lành, trở về đến chỗ để y, bệnh phát trở lại, mà muốn đến phương khác thì nương theo Yết-ma trước khởi phải Yết-ma lại.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu ba y vá chằm nhiều lớp nặng, tìm nhân duyên nào đó, để chia ra đem đi, gọi là không lìa y ngủ.

Căn bản tạp sự nói:

Nếu tạm thời đến chỗ khác rồi về liền thì khởi mang y theo. Lại nói trường hợp định đi rồi trở về, nhưng đến nơi đó trời đã chiều tối, thời gian trở về thuộc về ban đêm, sợ bị trùng, tặc làm tổn hại, trường hợp như vậy, nên ở lại ngủ nơi đó, không nên đi ban đêm. Ý đang thọ trì nên tâm niệm xả,

có thể đến nơi người đồng phạm hạnh gần đó tạm mượn ba y khác để cho đủ số mục.

Luật Tăng kỳ nói:

Tùy theo chỗ đến mà đầy đủ 3 y và bình bát để khát thực. Ví như 2 cánh cửa con chim thường dính theo thân nó vậy.

BIỆN MINH:

Hỏi: – Đã nói rằng y bát thường đủ, như hai cánh cửa con chim, tại sao lìa y kiết tội, lìa bát không kiết tội?

Đáp: – Y là để che thân, bát là để khát thực, cả hai nên luôn có theo mình. Nhưng ở trong Tăng hằng ngày thường ăn, hay lúc thọ thỉnh, không thể không dùng bát của mình còn y thì đứng về mặt lý thì không thể lìa được. Cho nên có kiết không kiết là vậy.

TRUNG TRỊ TỶ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU

HẾT QUYỂN THỨ TƯ

